

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THỊ XÃ CỬA LÒ**  
**TỈNH NGHỆ AN**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HSST

Ngày: 13/10/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Khánh

- *Hội thẩm nhân dân:* - Bà: Phùng Thị Quỳnh Hòe

- Ông: Hoàng Minh Chính

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hiền – *Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An*

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò tham gia phiên tòa:*  
Ông Trần Văn Thập - *Kiểm sát viên.*

Ngày 13/10/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2022/HSST ngày 19 tháng 09 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 09 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn B, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1983. Giới tính: Nam**

Tên gọi khác: Không

Trú tại: Khối B, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Con ông: Trần Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Lê Thị T, sinh năm 1960.

Anh, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1986.

Con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ kể từ ngày 21/6/2022 đến ngày 30/6/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An, bị áp dụng biện pháp “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/8/2022 và biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/6/2022 cho đến nay. Có mặt

**2. Vũ Đức T, sinh ngày 19 tháng 06 năm 1982. Giới tính: Nam**

Tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12.

Con ông: Vũ Đình L, sinh năm 1949 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1950.

Anh, chị, em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

Con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 11/01/2005 bị Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò xử phạt 04 tháng tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 29/6/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 12 tháng, đã chấp hành xong.

- Ngày 26/6/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm và phạt tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) về tội “Buôn bán hàng cấm”, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ kể từ ngày 21/6/2022 đến ngày 30/6/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An, bị áp dụng biện pháp “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/8/2022 và biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/6/2022 cho đến nay. Có mặt

**\*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Viết L, sinh năm 1982

Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

2. Anh Nguyễn Trí Đ, sinh 1980

Trú tại: Số nhà 32, ngõ 20, đường P, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

3. Chị Diệp Thị G, sinh năm 1984

Trú tại: Khối L, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

4. Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1994

Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

5. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981

Trú tại: Khối 01, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

6. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1977

Trú tại: Xóm 04, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

7. Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1981

Trú tại: Khối L, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An

8. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972

Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
9. Chị Trương Thị Lê N, sinh năm 1983  
Trú tại: Khối L, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
10. Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1978  
Trú tại: Khối 01, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
11. Chị Hoàng Thị Thúy H, sinh năm 1984  
Trú tại: Khối B, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
12. Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1984  
Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
13. Anh Dương Minh Đ, sinh năm 1991  
Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
14. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990  
Trú tại: Khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
15. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972  
Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
16. Anh Nguyễn Tất V, sinh năm 1990  
Trú tại: Khối T, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
17. Chị Thái Thị H, sinh năm 1972  
Trú tại: Khối 01, phường T, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
18. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979  
Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An  
19. Anh Hoàng Minh C, sinh năm 1974  
Trú tại: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An  
20. Anh Phạm Tiến Đ, sinh năm 1998  
Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
21. Chị Đặng Thị M, sinh năm 1978  
Trú tại: Khối H, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An  
*(Tất cả những người liên quan đều vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu tháng 4 năm 2022 đến ngày 21 tháng 6 năm 2022, Trần Văn B và Vũ Đức T thống nhất góp tiền để cho người khác vay với lãi suất vay cao gấp 5,4 lần đến 06 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự. T là người khởi xướng, B là người trực tiếp đứng ra giao dịch với những người vay tiền, số tiền các bị cáo góp để cho người khác vay ngang nhau. Cụ thể: B và T đã cho anh Nguyễn Văn D, chị Hoàng Thị Thúy H,

anh Nguyễn Hữu Q, anh Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tất V, anh Nguyễn Xuân S, anh Phạm Tiến Đ, anh Dương Minh Đ, chị Diệp Thị G, chị Nguyễn Thị T, chị Hoàng Thị T, chị Trương Thị Lê N, anh Nguyễn Trí Đ vay tổng số tiền 385.000.000 đồng, để thu số tiền lãi 39.693.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 32.735.006 đồng.

Ngoài ra, riêng Trần Văn B còn cho 04 người khác vay tiền với lãi suất cao gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự cụ thể là chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Việt L, chị Thái Thị H, anh Hoàng Minh C tổng số tiền 95.000.000 đồng, để thu số tiền lãi 74.200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 58.700.001 đồng.

Vũ Đức T đã cho 02 người vay tiền với lãi suất cao gấp 06 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự cụ thể là anh Nguyễn Huy T, anh Nguyễn Văn S tổng số tiền 60.000.000 đồng, số tiền lãi phải trả là 65.000.000 đồng, thu lợi bất chính 54.166.667 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính mà Trần Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự là 75.076.504đ (*Bảy mươi lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm linh tư đồng*), tổng số tiền thu lợi bất chính mà Vũ Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự là 70.543.170đ (*Bảy mươi triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bảy mươi đồng*).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận như sau: Từ đầu tháng 4 năm 2022 đến ngày 21 tháng 6 năm 2022, Trần Văn B và Vũ Đức T thống nhất góp tiền để cho người khác vay với lãi suất từ 3.000 đồng đến 3.300 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, trả lãi theo từng tháng (mỗi tháng tính 30 ngày), cao gấp 5,4 lần đến 06 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền các bị cáo góp ngang nhau, hưởng lợi bất chính ngang nhau.

Phương thức, thủ đoạn của B và T là người có nhu cầu vay tiền sẽ trực tiếp gặp B để thỏa thuận số tiền vay. Sau đó B liên lạc trao đổi thống nhất với T qua điện thoại để quyết định việc cho vay và đưa ra mức lãi cho từng trường hợp cụ thể. Khi thỏa thuận được khoản vay và lãi suất, B yêu cầu người vay viết giấy tiền theo mẫu đã soạn sẵn với nội dung: Họ tên người vay, địa chỉ, số tiền vay và ký tên, không thể hiện lãi suất cho vay. Hình thức trả lãi thường là cắt tiền lãi trước tháng đầu tiên hoặc đến cuối tháng thì trả tiền lãi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Agribank số 3602205205918 mang tên Trần Văn B hoặc tài khoản ngân hàng MBbank số 8880111111982 mang tên Vũ Đức T. B và T đã cho 14 người dân vay tiền thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

**- Giao dịch với anh Nguyễn Văn D:**

+. Ngày 04/5/2022, anh D vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 2.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 120%/01 năm. Đến ngày 04/6/2022, anh D đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay này và 20.000.000 đồng tiền gốc vay.

+. Ngày 17/5/2022, anh D vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 1.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 120%/01 năm. Đến ngày 17/6/2022, anh D đã trả 1.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay này và 10.000.000 đồng tiền gốc vay.

+. Ngày 27/5/2022, anh D vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 1.000.000 đồng/01 tháng. Hiện, anh D chưa trả tiền gốc vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/6/2022 (25 ngày) là 833.333 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh D vay của B và T là 40.000.000 đồng, phải trả tổng số tiền lãi là 3.833.333 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 638.888 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 3.194.445 đồng. Anh D đã trả 30.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi.

- **Giao dịch với chị Hoàng Thị Thúy H:** Ngày 05/5/2022, chị H vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 1.350.000 đồng/01 tháng, tương đương 108%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên là 1.350.000 đồng. Hiện chị H chưa trả tiền gốc vay là 15.000.000 đồng và tiền lãi tháng 6 tính đến ngày 21/6/2022 (16 ngày) là 720.000 đồng.

Số tiền lãi chị H phải trả tính đến ngày 21/6/2022 là 2.070.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 383.333 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.686.667 đồng. Chị H đã trả 1.350.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc.

- **Giao dịch với anh Nguyễn Hữu Q:** Ngày 08/5/2022, anh Q vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 1.800.000 đồng/01 tháng, tương đương 108%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên là 1.800.000 đồng. Đến ngày 08/6/2022, anh Q đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc vay.

Trong số tiền lãi 1.800.000 đồng anh Q đã trả, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.333 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.466.667 đồng.

- **Giao dịch với anh Nguyễn Tiến D:** Ngày 08/5/2022, anh Nguyễn Tiến D vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 900.000 đồng/01 tháng, tương đương 108%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên 900.000 đồng.

Đến ngày 08/6/2022, anh D đã trả thêm cho B và T 900.000 đồng tiền lãi tháng tiếp theo. Hiện anh D chưa trả tiền gốc vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi 1.800.000 đồng anh D đã trả, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.333 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.466.667 đồng.

**- Giao dịch với chị Nguyễn Thị H:**

Ngày 08/5/2022, chị H vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 4.500.000 đồng/01 tháng, tương đương 108%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên 4.500.000 đồng. Hiện chị H chưa trả số tiền gốc vay 50.000.000 đồng và tiền lãi tháng 6 tính đến ngày 21/6/2022 (13 ngày) là 1.950.000 đồng.

Số tiền lãi chị H phải trả là 6.450.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.194.444 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 5.255.556 đồng. Chị H đã trả 4.500.000 đồng tiền lãi.

**- Giao dịch với anh Nguyễn Tất V:**

Ngày 10/5/2022, anh Nguyễn Tất V vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 1.500.000 đồng/01 tháng, tương đương 120%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên 1.500.000 đồng. Hiện anh V chưa trả cho B và T số tiền gốc vay 15.000.000 đồng và số tiền lãi tháng 6/2022 tính đến ngày 21/6/2022 (11 ngày) là 550.000 đồng.

Số tiền lãi anh V phải trả là 2.050.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 341.666 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.708.334 đồng. Anh V đã trả 1.500.000 đồng tiền lãi.

**- Giao dịch với anh Nguyễn Xuân S:**

+. Ngày 31/5/2022, anh Nguyễn Xuân S vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 120%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên. Hiện anh S chưa trả cho B và T số tiền gốc 30.000.000 đồng của khoản vay này.

- Ngày 03/6/2022, anh S vay tiếp với số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 120%/01 năm và không cắt lãi trước. Hiện anh S chưa trả cho B và T số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay này tính đến ngày 21/6/2022 (18 ngày) là 1.800.000 đồng.

Tổng số tiền anh S vay là 60.000.000 đồng, phải trả tổng số tiền lãi là 4.800.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 800.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng. Anh S đã trả 3.000.000 đồng tiền lãi.

**+. Giao dịch với anh Phạm Tiến Đ:**

Ngày 08/5/2022, anh Phạm Tiến Đ vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 900.000 đồng/01 tháng, tương đương 108%/01 năm và thế chấp 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, màu đỏ, biển số 37S1-006.43 cùng 01 (một) đăng ký xe máy 37S1-006.43 mang tên Đặng Thị M. Khi đó B và T đã cắt lãi trước số tiền 500.000 đồng. Hiện, anh Đ chưa trả cho B và T số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi tháng 5 là 400.000 đồng và tiền lãi tháng 6 tính đến ngày 21/6/2022 (13 ngày) là 390.000 đồng.

Số tiền lãi anh Đ phải trả là 1.290.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 238.888 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.051.112 đồng. Anh Đ đã trả 500.000 đồng tiền lãi.

**+ . Giao dịch với anh Dương Minh Đ:**

Ngày 11/5/2022, anh Dương Minh Đ vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 2.000.000 đồng/15 ngày, tương đương 120%/01 năm và cắt lãi trước 2.000.000 đồng. Đến ngày 26/5/2022, anh Đ trả tiếp 2.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay này trong 15 ngày tiếp theo. Ngày 10/6/2022, anh Đ trả cho B và T 20.000.000 đồng tiền gốc vay, đồng thời trả 1.000.000 đồng tiền lãi cho khoản vay 20.000.000 đồng còn lại trong 15 ngày. Hiện anh Đ chưa trả cho B và T số tiền gốc vay là 20.000.000 đồng.

Số tiền lãi anh Đ đã trả là 5.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 833.333 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 4.166.667 đồng. Anh Đ đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi.

**+ . Giao dịch với chị Diệp Thị G**

Ngày 05/6/2022, chị Diệp Thị G vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 700.000 đồng/05 ngày, tương đương với lãi suất 100,8%/01 năm. Đến ngày 09/6/2022, chị G đã trả đủ 700.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc đã vay.

Số tiền lãi B và T đã thu khi cho chị G vay khoản vay trên là 700.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 138.888 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 561.112 đồng.

**+ . Giao dịch với chị Nguyễn Thị T**

Ngày 28/5/2022, chị Nguyễn Thị T vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 1.350.000 đồng/01 tháng, tương đương 108%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên số tiền 1.350.000 đồng. Hiện chị T chưa trả cho B và T số tiền gốc.

Số tiền lãi B và T đã thu khi cho chị T vay khoản vay trên là 1.350.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 250.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.100.000 đồng.

**+ . Giao dịch với chị Hoàng Thị T:**

Ngày 28/5/2022, chị Hoàng Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 1.800.000 đồng/01 tháng, tương đương 108%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên số tiền 1.800.000 đồng. Hiện chị T chưa trả cho B và T số tiền gốc vay là 20.000.000 đồng.

Số tiền lãi B và T đã thu khi cho chị T vay khoản vay trên là 1.800.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.333 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.466.667 đồng.

**+ . Giao dịch với chị Trương Thị Lê N:**

Ngày 27/5/2022, chị Trương Thị Lê N vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 900.000 đồng/01 tháng, tương đương 108%/01 năm. Hiện chị N chưa trả cho B và T số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay này tính đến ngày 21/6/2022 (25 ngày) là 750.000 đồng.

Số tiền lãi chị N phải trả là 750.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 138.888 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 611.112 đồng.

**+ . Giao dịch với anh Nguyễn Trí Đ:**

Ngày 10/5/2022, anh Nguyễn Trí Đ vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất 120%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 10/6/2022, anh Đ trả thêm cho B và T tiền lãi tháng tiếp theo là 3.000.000 đồng. Hiện anh Đ chưa trả cho B và T số tiền gốc vay là 30.000.000 đồng.

Số tiền lãi B và T đã thu khi cho anh Đ vay khoản vay trên là 6.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.000.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền B và T cho 14 người vay trên là 385.000.000 đồng, số tiền lãi buộc những người vay phải trả là 39.693.333 đồng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất hợp pháp cao nhất là 20%/năm đối với khoản tiền vay. Số tiền lãi hợp pháp B và T được phép thu từ việc cho vay là 6.958.327 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 32.735.006 đồng.

**Ngoài các khoản B, T góp vốn cho vay 14 người vay nêu trên, cá nhân B, T còn cho một số người khác vay riêng. Cụ thể:**

- B cho 04 người dân vay tiền với lãi suất 108%/01 năm để thu lợi bất chính, cụ thể:

**+ . Giao dịch với chị Nguyễn Thị L:**

Ngày 04/6/2022, chị Nguyễn Thị L vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương 108%/01 năm và cắt lãi trước tháng đầu tiên là 1.800.000 đồng. Hiện chị L chưa trả cho B số tiền gốc vay là 20.000.000 đồng.

Số tiền lãi B đã thu khi cho chị L vay khoản vay trên là 1.800.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 333.333 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 1.466.667 đồng.

**+ . Giao dịch với anh Nguyễn Viết L:**

Ngày 28/11/2021, anh Nguyễn Viết L vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương 108%/01 năm. Đến tháng 12/2021, anh L đã trả cho B tiền lãi tháng đầu tiên là 1.350.000 đồng. Lúc này,



B cho anh L vay thêm 10.000.000 đồng với lãi suất như cũ. Từ đó đến nay, anh L đã trả cho B 05 tháng tiền lãi của khoản vay 25.000.000 đồng với tổng số tiền 11.250.000 đồng. Tiền lãi tháng 6/2022 của khoản vay này tính đến ngày 21/6/2022 (24 ngày) là 1.800.000 đồng.

Tổng số tiền anh L vay là 25.000.000 đồng, số tiền lãi anh L phải trả là 14.400.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.666.666 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 11.733.334 đồng. Tổng số tiền lãi anh L đã trả cho B là 12.600.000 đồng. Hiện anh L chưa trả cho B số tiền gốc.

**+. Giao dịch với Thái Thị H:**

Tháng 10/2018, chị Thái Thị H vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương với lãi suất 108%/01 năm. Đến tháng 10/2019, chị H đã trả cho B 12 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 43.200.000 đồng. Sau đó, chị H trả cho B 37.000.000 đồng tiền gốc và xin B không trả tiền lãi thì B đồng ý. Hiện chị H chưa trả cho B số tiền gốc vay là 3.000.000 đồng.

Số tiền lãi B đã thu khi cho chị H vay khoản vay trên là 43.200.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự tính đến tháng 10/2019 là 8.000.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 35.200.000 đồng.

**+. Giao dịch với anh Hoàng Minh C:**

Tháng 02/2020, anh Hoàng Minh C vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương 108%/01 năm. Đến tháng 02/2021, anh C đã trả cho B 12 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 10.800.000 đồng. Sau đó, anh C và B thỏa thuận do tình hình dịch bệnh, hoàn cảnh khó khăn nên từ tháng 03/2021 đến nửa đầu năm 2022 không tính lãi như cũ, mà chỉ trả cho B số tiền lãi 4.000.000 đồng để duy trì khoản vay đến hết nửa đầu năm 2022, B đồng ý. Ngày 27/5/2022, sau khi trả hết số tiền 4.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước cho B thì anh C đã xin B không tính lãi và chỉ trả tiền gốc thì B đồng ý. Tổng số tiền lãi anh C đã trả cho B là 14.800.000 đồng. Hiện anh C chưa trả cho B số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng.

Số tiền lãi B đã thu khi cho anh C vay khoản vay trên là 14.800.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự tính đến tháng 5 năm 2022 là 4.500.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 10.300.000 đồng.

Tổng số tiền B cho 04 người trên vay là 95.000.000 đồng, số tiền lãi 04 người vay trên phải trả là 74.200.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa 20%/01 năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 15.499.999 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 58.700.001 đồng.

- T cho 02 người dân vay tiền với lãi suất 120%/01 năm để thu lợi bất chính, cụ thể:

**+ . Giao dịch với anh Nguyễn Huy T**

Ngày 12/6/2021, anh Nguyễn Huy T vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 1.000.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất 120%/01 năm. Đến ngày 12/11/2021, anh T đã trả cho T 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 5.000.000 đồng và trả 10.000.000 đồng tiền gốc.

Số tiền lãi T đã thu khi cho anh T vay khoản vay trên là 5.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa 20%/01 năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 833.333 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 4.166.667 đồng.

**+ . Giao dịch với anh Nguyễn Văn S:**

Ngày 20/12/2020, anh Nguyễn Văn S vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000.000 đồng/01 tháng, tương đương với lãi suất 120%/01 năm. Đến ngày 20/12/2021, anh Sanh đã trả cho T 12 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 60.000.000 đồng và trả 50.000.000 tiền gốc.

Số tiền lãi T đã thu khi cho anh Sanh vay khoản vay trên là 60.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa 20%/01 năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 10.000.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền T đã cho 02 người trên vay là 60.000.000 đồng, số tiền lãi phải trả là 65.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa 20%/01 năm theo quy định của Bộ luật dân sự các khoản vay của 02 người trên là 10.833.333 đồng và số tiền T thu lợi bất chính khi cho những người trên vay là 54.166.667 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính mà Trần Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự là 75.076.504đ (*Bảy mươi lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm linh tư đồng*).

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà Vũ Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự là 70.543.170đ (*Bảy mươi triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bảy mươi đồng*).

Tại bản cáo trạng số 31/CT – VKS - HS ngày 16/09/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Trần Văn B và Vũ Đức T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Đối với bị cáo Trần Văn B: Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn B từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Vũ Đức T: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Vũ Đức T từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng

**\* Xử lý vật chứng:**

- **Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T là 63.853.273 đồng; Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 31.926.637 đồng. Cụ thể:**

+ 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 638.888 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Văn D. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 15.319.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 383.333 đồng từ giao dịch với chị Hoàng Thị Thúy H. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 191.666 đồng.

+ 20.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Hữu Q. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 10.166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Tiến D. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.194.444 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị H. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 972.222 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 341.666 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Tất V. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 170.833 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 800.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Xuân S. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 400.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 238.000 đồng từ giao dịch với anh Phạm Tiến Đ. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 119.000 đồng.

+ 20.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 833.333 đồng từ giao dịch với anh Dương Minh Đ. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 10.416.666 đồng.

+ 50.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 138.888 đồng từ giao dịch với chị Diệp Thị G. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 25.069.444 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 250.000 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị T. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 125.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với chị Hoàng Thị T. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 138.888 đồng từ giao dịch với chị Trương Thị Lê N. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 69.444 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.000.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Trí Đ. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 500.000 đồng.

***- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Văn B đã thu của 04 người vay là 52.499.999 đồng. Cụ thể:***

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị L.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 2.666.666 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Viết L.

+ 37.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 8.000.000 đồng từ giao dịch với chị Thái Thị H.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 4.500.000 đồng từ giao dịch với anh Hoàng Minh C.

***- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Vũ Đức T đã thu của người 02 người vay là 70.833.333 đồng. Cụ thể:***

+ 10.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 833.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Huy T

+ 50.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 10.000.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Văn S.

Tổng số tiền truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Trần Văn B là: 84.426.636 đồng.

Tổng số tiền truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Vũ Đức T là: 102.759.970 đồng.

**- Buộc bị cáo Trần Văn B và bị cáo Vũ Đức T phải trả lại cho 13 người vay tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu là 25.481.449 đồng, kỷ phần của mỗi bị cáo là 12.740.724 đồng . Cụ thể:**

- + Trả lại cho anh Nguyễn Văn D: 2.361.112 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 1.180.556 đồng;
- + Trả lại cho chị Hoàng Thị Thúy H 966.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 483.333 đồng;
- + Trả lại cho anh Nguyễn Hữu Q 1.466.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;
- + Trả lại cho anh Nguyễn Tiến D 1.466.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;
- + Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 3.305.556 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 1.652.778 đồng;
- + Trả lại cho anh Nguyễn Tất V 1.158.334 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 579.167 đồng;
- + Trả lại cho anh Nguyễn Xuân S 2.200.000 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 1.100.000 đồng;
- + Trả lại cho anh Nguyễn Tiến Đạt 262.000 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 131.000 đồng;
- + Trả lại cho anh Dương Minh Đ 4.166.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 2.083.333 đồng;
- + Trả lại cho chị Diệp Thị G 561.112 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 280.556 đồng;
- + Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 1.100.000 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 550.000 đồng;
- + Trả lại cho chị Hoàng Thị T 1.466.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;
- + Trả lại cho anh Nguyễn Trí Đ 5.000.000 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 2.500.000 đồng;

**- Buộc bị cáo Trần Văn B phải trả lại cho 04 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu gồm:**

- + Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 1.466.667 đồng;
- + Trả lại cho anh Nguyễn Viết L 11.733.334 đồng;
- + Trả lại cho chị Thái Thị H: 35.200.000 đồng;
- + Trả lại cho anh Hoàng Minh C: 10.300.000 đồng.

**- Buộc bị cáo Vũ Đức T phải trả lại cho 02 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu gồm:**

- + Trả lại cho anh Nguyễn Huy T: 4.166.667 đồng;
- + Trả lại cho anh Nguyễn Văn S: 50.000.000 đồng.

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T cho những người liên quan vay nhưng chưa hoàn trả, cụ thể:**

Anh Nguyễn Văn D: 10.000.000 đồng; chị Hoàng Thị Thúy H 15.000.000 đồng; anh Nguyễn Tiến D: 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H: 50.000.000 đồng; anh Nguyễn Tiến Việt: 15.000.000 đồng; anh Nguyễn Xuân S: 60.000.000 đồng; anh Phạm Tiến Đ: 10.000.000 đồng; anh Dương Minh Đ: 20.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T: 15.000.000 đồng; chị Hoàng Thị T: 20.000.000 đồng; chị Trương Thị Lê N: 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Trí Đ: 30.000.000 đồng.

- **Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo Trần Văn B cho những người liên quan vay nhưng chưa hoàn trả, cụ thể:** chị Nguyễn Thị L: 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Viết L: 25.000.000 đồng; chị Thái Thị H: 3.000.000 đồng, anh Hoàng Minh C: 10.000.000 đồng.

- Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA LEAD, màu đỏ đen, biển số: 37S1 - 006.43, số khung: BY231768, số máy: F24E0859634, xe đã qua sử dụng và một giấy chứng nhận đăng ký xe máy 37S1 - 006.43, đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 353106101633715, lắp sim số 0985824388, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Đức T là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31, màu xanh tím, số IMEI1: 354565114508488, số IMEI2: 354566114508486, lắp sim số 0912468768 và 0968579912, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn B là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) bằng tốt nghiệp đại học số 28184 của Viện đại học mở Hà Nội cấp cho Hoàng Minh C, được lưu tại hồ sơ vụ án là bằng tốt nghiệp của anh Hoàng Văn Cương cần trả lại cho anh Hoàng Văn Cương.

- Đối với 08 (tám) giấy vay tiền giữa người cho vay là Trần Văn B và người vay tiền là Nguyễn Tiến D, Hoàng Thị Thúy H, Nguyễn Thị T, Dương Minh Đ, Nguyễn Tất V, Phạm Tiến Đ, Hoàng Thị T và Trương Thị Lê N – Là tài liệu, chứng cứ chứng minh, xác định hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T nhận tội, đồng ý với nội dung bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện

đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và được Hội đồng xét xử sử dụng làm chứng cứ xem xét khi giải quyết vụ án.

**[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa hình sự lần 1, lần 2 nhưng vắng mặt. Tại hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của họ; xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

**[3] Về hành vi của các bị cáo:** Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Từ đầu tháng 4 năm 2022 đến ngày 21 tháng 6 năm 2022, Vũ Đức T là người khởi xướng, thống nhất cùng với Trần Văn B góp tiền để cho người khác vay với lãi suất vay cao gấp 5,4 lần đến 06 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự. Cụ thể: B và T đã cho anh Nguyễn Văn D, chị Hoàng Thị Thúy H, anh Nguyễn Hữu Q, anh Nguyễn Tiến D, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Tất V, anh Nguyễn Xuân S, anh Phạm Tiến Đ, anh Dương Minh Đ, chị Diệp Thị G, chị Nguyễn Thị T, chị Hoàng Thị T, chị Trương Thị Lê N, anh Nguyễn Trí Đ vay tổng số tiền 385.000.000 đồng, để thu số tiền lãi 39.693.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 32.735.006 đồng.

Ngoài ra, riêng Trần Văn B còn cho 04 người dân vay tiền với lãi suất cao gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự. Cụ thể là chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Viết L, chị Thái Thị H, anh Hoàng Minh C tổng số tiền 95.000.000 đồng, để thu số tiền lãi 74.200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 58.700.001 đồng. Riêng Vũ Đức T đã cho 02 người vay tiền với lãi suất cao gấp 06 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể là anh Nguyễn Huy T, anh Nguyễn Văn S tổng số tiền 60.000.000 đồng, số tiền lãi phải trả là 65.000.000 đồng, thu lợi bất chính 54.166.667 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà Trần Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự là 75.076.504đ (*Bảy mươi lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm linh tư đồng*); tổng số tiền thu lợi bất chính mà Vũ Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự là 70.543.170đ (*Bảy mươi triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bảy mươi đồng*).

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại

Điều 201 BLHS. Số tiền các bị cáo thu lợi bất chính dưới 200.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

**[4]. Xét tính chất vụ án:** Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính; ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giao dịch dân sự; hành vi trái pháp luật và đạo đức xã hội đã đẩy gia đình người vay tiền vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất B trong dư luận. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi bất chính, coi thường pháp luật, bất chấp đạo lý thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm minh, kịp thời là hết sức cần thiết nhằm xử lý và ngăn chặn hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn.

**[5]. Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:**

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người khởi xướng, chỉ đạo. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Trần Văn B lần đầu phạm tội; trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích cấp cứu người bị tai nạn giao thông có xác nhận của công an, chính quyền địa phương quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Đức T trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có mẹ ruột là bà Phạm Thị Tám có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; có thành tích cấp cứu người bị tai nạn giao thông có xác nhận của công an, chính quyền địa phương quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 BLHS và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cần xử phạt các bị cáo hình phạt tiền là hình phạt chính. Căn cứ vào nhân thân, vai trò của các bị cáo trong vụ án, cần áp dụng mức hình phạt bị cáo Vũ Đức T cao hơn bị cáo Trần Văn B. Mức hình phạt từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với bị cáo Vũ Đức T và mức hình phạt từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với bị cáo Trần Văn B là đảm bảo tính răn đe và giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

**[6] Về xử lý vật chứng:**

- **Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân**



**sự của bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T là 63.853.273 đồng; Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 31.926.637 đồng. Cụ thể:**

+ 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 638.888 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Văn D. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 15.319.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 383.333 đồng từ giao dịch với chị Hoàng Thị Thúy H. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 191.666 đồng.

+ 20.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Hữu Q. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 10.166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Tiến D. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.194.444 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị H. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 972.222 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 341.666 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Tất V. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 170.833 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 800.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Xuân S. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 400.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 238.000 đồng từ giao dịch với anh Phạm Tiến Đ. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 119.000 đồng.

+ 20.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 833.333 đồng từ giao dịch với anh Dương Minh Đ. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 10.416.666 đồng.

+ 50.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 138.888 đồng từ giao dịch với chị Diệp Thị G. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 25.069.444 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 250.000 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị T. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 125.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với chị Hoàng Thị T. Kỳ phân cụ thể của mỗi bị cáo là 166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 138.888 đồng từ giao dịch với chị Trương Thị Lê N. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 69.444 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.000.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Trí Đ. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 500.000 đồng.

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Văn B đã thu của 04 người vay là 52.499.999 đồng. Cụ thể:**

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị L.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 2.666.666 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Viết L.

+ 37.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 8.000.000 đồng từ giao dịch với chị Thái Thị H.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 4.500.000 đồng từ giao dịch với anh Hoàng Minh C.

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Vũ Đức T đã thu của người 02 người vay là 70.833.333 đồng. Cụ thể:**

+ 10.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 833.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Huy T.

+ 50.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 10.000.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Văn S.

Tổng số tiền truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Trần Văn B là: 84.426.636 đồng.

Tổng số tiền truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Vũ Đức T là: 102.759.970 đồng.

**- Buộc bị cáo Trần Văn B và bị cáo Vũ Đức T phải trả lại cho 13 người vay tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu là 25.481.449 đồng, kỷ phần của mỗi bị cáo là 12.740.725 đồng . Cụ thể:**

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn D: 2.361.112 đồng. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 1.180.556 đồng;

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị Thúy H 966.667 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 483.333 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Hữu Q 1.466.667 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Tiến D 1.466.667 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 3.305.556 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 1.652.778 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Tất V 1.158.334 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 579.167 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Xuân S 2.200.000 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 1.100.000 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Tiến Đạt 262.000 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 131.000 đồng;

+ Trả lại cho anh Dương Minh Đ 4.166.667 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 2.083.333 đồng;

+ Trả lại cho chị Diệp Thị G 561.112 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 280.556 đồng;

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 1.100.000 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 550.000 đồng;

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị T 1.466.667 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Trí Đ 5.000.000 đồng. Kỳ phân cù thể của mỗi bị cáo là 2.500.000 đồng;

**- Buộc bị cáo Trần Văn B phải trả lại cho 04 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu gồm:**

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 1.466.667 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Viết L 11.733.334 đồng;

+ Trả lại cho chị Thái Thị H: 35.200.000 đồng;

+ Trả lại cho anh Hoàng Minh C: 10.300.000 đồng.

**- Buộc bị cáo Vũ Đức T phải trả lại cho 02 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu gồm:**

+ Trả lại cho anh Nguyễn Huy T: 4.166.667 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn S: 50.000.000 đồng.

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T cho những người liên quan vay nhưng chưa hoàn trả, cụ thể:**  
Anh Nguyễn Văn D: 10.000.000 đồng; chị Hoàng Thị Thúy H 15.000.000 đồng;  
anh Nguyễn Tiến D: 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H: 50.000.000 đồng;

anh Nguyễn Tiến Việt: 15.000.000 đồng; anh Nguyễn Xuân S: 60.000.000 đồng; anh Phạm Tiến Đ: 10.000.000 đồng; anh Dương Minh Đ: 20.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T: 15.000.000 đồng; chị Hoàng Thị T: 20.000.000 đồng; chị Trương Thị Lê N: 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Trí Đ: 30.000.000 đồng.

- **Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo Trần Văn B cho những người liên quan vay nhưng chưa hoàn trả, cụ thể:** chị Nguyễn Thị L: 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Viết L: 25.000.000 đồng; chị Thái Thị H: 3.000.000 đồng, anh Hoàng Minh C: 10.000.000 đồng.

- **Tịch thu, sung công:**

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 353106101633715, lắp sim số 0985824388, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Đức T.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31, màu xanh tím, số IMEI1: 354565114508488, số IMEI2: 354566114508486, lắp sim số 0912468768 và 0968579912, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn B.

- Trả lại cho anh Hoàng Văn Cương 01 (một) bằng tốt nghiệp đại học số 28184 của Viện đại học mở Hà Nội cấp cho Hoàng Minh C, được lưu tại hồ sơ vụ án.

- Lưu tại hồ sơ vụ án 08 (tám) giấy vay tiền giữa người cho vay là Trần Văn B và người vay tiền là Nguyễn Tiến D, Hoàng Thị Thúy H, Nguyễn Thị T, Dương Minh Đ, Nguyễn Tất V, Phạm Tiến Đ, Hoàng Thị T và Trương Thị Lê N.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (Bị cáo Trần Văn B thêm điểm i khoản 1 Điều 51), Điều 32, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn B 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 75.000.000đ (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T là 63.853.273 đồng; Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 31.926.637 đồng. Cụ thể:**

+ 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 638.888 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Văn D. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 15.319.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 383.333 đồng từ giao dịch với chị Hoàng Thị Thúy H. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 191.666 đồng.

+ 20.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Hữu Q. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 10.166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Tiến D. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.194.444 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị H. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 972.222 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 341.666 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Tất V. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 170.833 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 800.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Xuân S. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 400.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 238.000đồng từ giao dịch với anh Phạm Tiến Đ. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 119.000 đồng.

+ 20.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 833.333 đồng từ giao dịch với anh Dương Minh Đ. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 10.416.666 đồng.

+ 50.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 138.888 đồng từ giao dịch với chị Diệp Thị G. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 25.069.444 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 250.000 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị T. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 125.000 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với chị Hoàng Thị T. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 166.666 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 138.888 đồng từ giao dịch với chị Trương Thị Lê N. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 69.444 đồng.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 1.000.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Trí Đ. Kỳ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 500.000 đồng.

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Văn B đã thu của 04 người vay là 52.499.999 đồng. Cụ thể:**

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 333.333 đồng từ giao dịch với chị Nguyễn Thị L.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 2.666.666 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Viết L.

+ 37.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 8.000.000 đồng từ giao dịch với chị Thái Thị H.

+ Số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 4.500.000 đồng từ giao dịch với anh Hoàng Minh C.

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc dùng để cho vay và lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo Vũ Đức T đã thu của người 02 người vay là 70.833.333 đồng. Cụ thể:**

+ 10.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 833.333 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Huy T.

+ 50.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 10.000.000 đồng từ giao dịch với anh Nguyễn Văn S.

Tổng số tiền truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Trần Văn B là: 84.426.636 đồng.

Tổng số tiền truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Vũ Đức T là: 102.759.970 đồng.

**- Buộc bị cáo Trần Văn B và bị cáo Vũ Đức T phải trả lại cho 13 người vay tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu là 25.481.449 đồng, kỷ phần của mỗi bị cáo là 12.740.725 đồng . Cụ thể:**

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn D: 2.361.112 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 1.180.556 đồng;

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị Thúy H 966.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 483.333 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Hữu Q 1.466.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Tiến D 1.466.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 3.305.556 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 1.652.778 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Tất V 1.158.334 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 579.167 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Xuân S 2.200.000 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 1.100.000 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Tiến Đạt 262.000 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 131.000 đồng;

+ Trả lại cho anh Dương Minh Đ 4.166.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 2.083.333 đồng;

+ Trả lại cho chị Diệp Thị G 561.112 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 280.556 đồng;

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 1.100.000 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 550.000 đồng;

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị T 1.466.667 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 733.333 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Trí Đ 5.000.000 đồng. Kỷ phần cụ thể của mỗi bị cáo là 2.500.000 đồng;

**- Buộc bị cáo Trần Văn B phải trả lại cho 04 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu gồm:**

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 1.466.667 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Viết L 11.733.334 đồng;

+ Trả lại cho chị Thái Thị H: 35.200.000 đồng;

+ Trả lại cho anh Hoàng Minh C: 10.300.000 đồng.

**- Buộc bị cáo Vũ Đức T phải trả lại cho 02 người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu gồm:**

+ Trả lại cho anh Nguyễn Huy T: 4.166.667 đồng;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn S: 50.000.000 đồng.

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T cho những người liên quan vay nhưng chưa hoàn trả, cụ thể:** Anh Nguyễn Văn D: 10.000.000 đồng; chị Hoàng Thị Thúy H 15.000.000 đồng; anh Nguyễn Tiến D: 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H: 50.000.000 đồng; anh Nguyễn Tiến Việt: 15.000.000 đồng; anh Nguyễn Xuân S: 60.000.000 đồng; anh Phạm Tiến Đ: 10.000.000 đồng; anh Dương Minh Đ: 20.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T: 15.000.000 đồng; chị Hoàng Thị T: 20.000.000 đồng; chị Trương Thị Lê N: 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Trí Đ: 30.000.000 đồng.

**- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc bị cáo Trần Văn B cho những người liên quan vay nhưng chưa hoàn trả, cụ thể:** chị Nguyễn Thị L: 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Viết L: 25.000.000 đồng; chị Thái Thị H: 3.000.000 đồng, anh Hoàng Minh C: 10.000.000 đồng.

**- Tịch thu, sung công:**

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI: 353106101633715, lắp sim số 0985824388, đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Đức T.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31, màu xanh tím, số IMEI1: 354565114508488, số IMEI2: 354566114508486, lắp sim số 0912468768 và 0968579912, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Văn B

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/09/2022)*

- Trả lại cho anh Hoàng Văn Cương 01 (một) bằng tốt nghiệp đại học số 28184 của Viện đại học mở Hà Nội cấp cho Hoàng Minh C, được lưu tại hồ sơ vụ án.

- Lưu tại hồ sơ vụ án 08 (tám) giấy vay tiền giữa người cho vay là Trần Văn B và người vay tiền là Nguyễn Tiến D, Hoàng Thị Thúy H, Nguyễn Thị T, Dương Minh Đ, Nguyễn Tất V, Phạm Tiến Đ, Hoàng Thị T và Trương Thị Lê N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành



án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn B, Vũ Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- VKSND TX Cửa Lò;
- Cơ quan CSĐT CA TX Cửa Lò ;
- Cơ quan THA hình sự TX Cửa Lò ;
- Chi cục THA Dân sự TX Cửa Lò ;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Khánh**